

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 02 - 2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *Ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn NB, xã T H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn NB, xã T H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt Chị A, anh B. Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023, bản tự khai ngày 25/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác vợ chồng chưa có con nên cũng hay xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau. Nay Chị A xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, Chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Chị A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho anh Lê Văn B, nhưng anh B không đến Tòa án. Vì vậy không có quan điểm trình bày của anh B, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa Chị A và anh B được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS. Ngày 07/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đến làm việc trực tiếp với anh Lê Văn B tại nhà anh B. Tuy nhiên anh B không có nhà, mẹ đẻ anh B là bà Lê Thị Th trực tiếp làm việc với Tòa án. Tại biên bản làm việc bà Lê Thị Th trình bày việc chị Nguyễn Thị A làm đơn xin ly hôn, gia đình bà và anh B đều biết cả. Bà cũng không biết lý do Chị A làm đơn xin ly hôn, các văn bản Tòa án gửi về chồng bà là ông Lê Văn Huệ đều chụp gửi cho con trai là Lê Văn B. Bà Thân thừa nhận bản thân bà cũng đã gọi điện cho anh B khuyên anh B lên Tòa án làm việc để trình bày quan điểm của mình cho Tòa án biết, nhưng anh B nói với bà Thân rằng Chị A làm đơn đơn phương thì để Tòa án giải quyết đơn Phương, anh B không đồng ý đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa vắng mặt Chị A, anh B. Chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt Chị A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh Lê Văn B; Về con chung vợ chồng không có con chung nên Chị A không yêu cầu giải quyết; Về tài sản Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B, anh B có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn NB, xã T H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị A và anh B.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hóa vào ngày 03/11/2017 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến đầu năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau. Tại biên bản làm việc với mẹ đẻ anh B là bà Lê Thị Th, bà Thân trình bày, anh B biết việc chị Nguyễn Thị A làm đơn xin ly hôn tại Tòa, nhưng anh B nói Chị A làm đơn đơn phương thì để Tòa án giải quyết đơn Phương, anh B không đồng ý đến Tòa án làm việc. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt Chị A đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị A được ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như bản khai trình bày quan điểm Chị A đều khai vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000638 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. (Chị A đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị A, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Thiệu Hóa,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã T H;
- Chi cục thi hành án dân sự Thiệu Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt